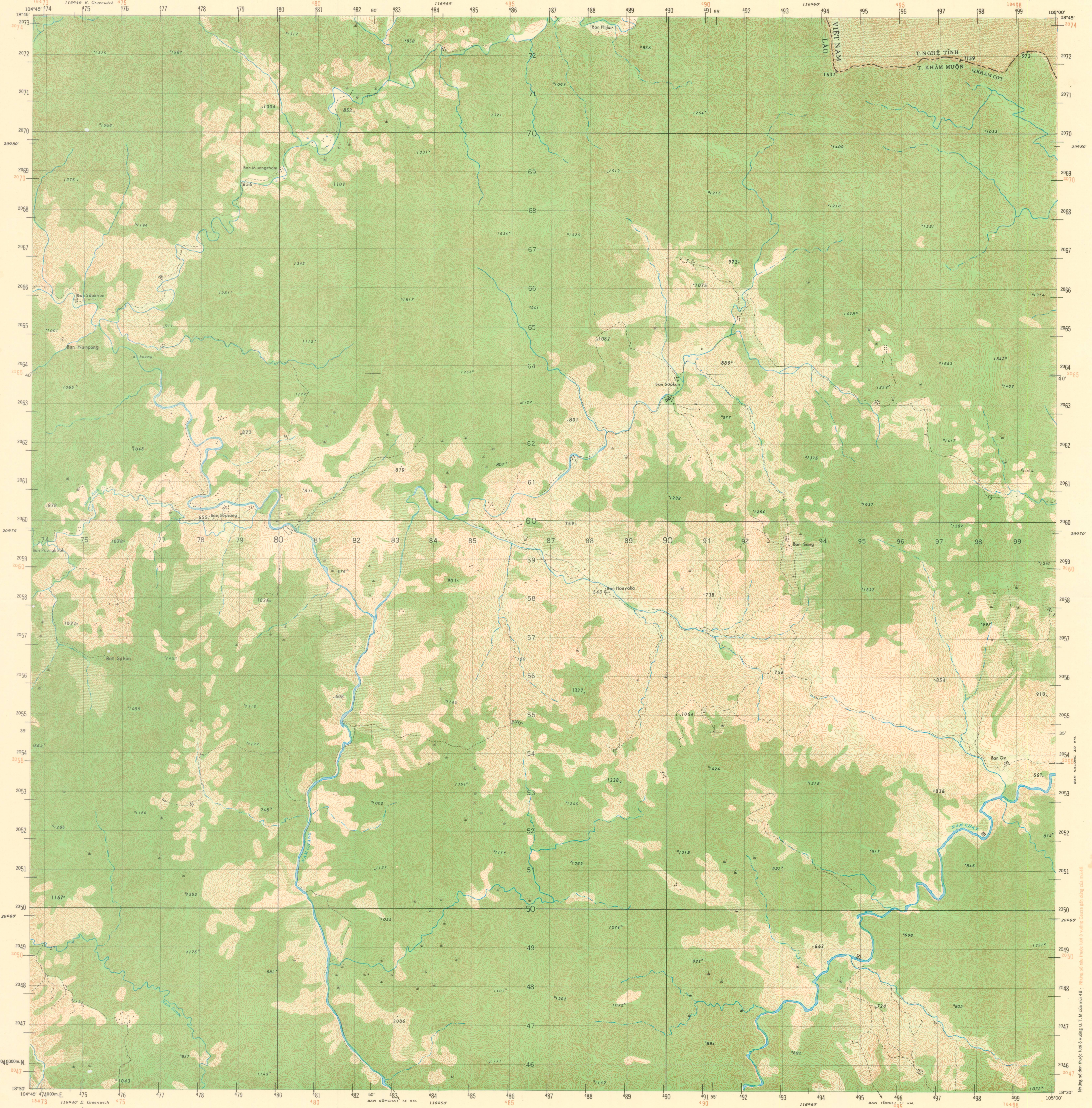


LÀO_KHÂM MUỐN
VIỆT NAM_NGHỆ TỈNH

BAN SANG

SỐ HIỆU U.T.M 5946 II
BẢN ĐỒ TẠM THỜI

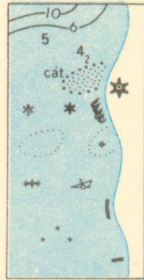


CỤC BẢN ĐỒ - BỘ TỔNG THAM MƯU - Q.D.N.D.V.N.
In lần thứ nhất năm 1977 theo 1: 50 000 của Mỹ in năm 1965

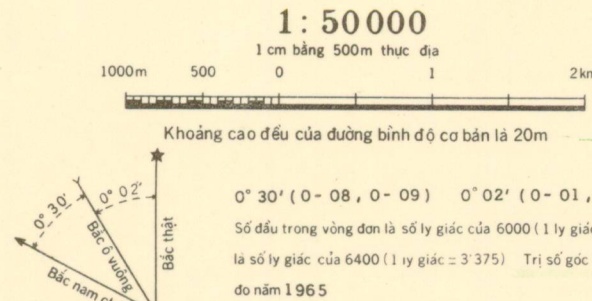
BAN SANG

- Đường rải nhựa, đã có 2 hay trên 2 lớp xe đi
- Đường rải nhựa, đã có 1 lớp xe đi, tên quốc lộ
- Đường đất, tên tỉnh lộ, tên tỉnh lộ
- Đường dùng khai khẩn, đường mòn
- Đường sắt hai chiều, Ga, trạm
- Đường sắt một chiều, Đường sắt hẹp
- Tường, Bào đắp
- Cầu gỗ, Cầu sắt, Cầu xây
- Cầu nhỏ, Phà, Chỗ lội qua

- Quốc giới
- Ranh giới phân
- Tỉnh giới
- Quận giới
- Tỉnh lỵ, Quận lỵ
- Nghĩa địa
- Trạm bưu điện, Điện tín, Điện thoại
- Đo cao, Đã kiểm lại, chưa kiểm lại
- Sân bay, Dãy quanh năm, Tầng mây



- Bình đồ sâu
- Độ sâu tính ra mét
- Đáy biển nông, Đáy biển
- Mỏn đá sát mặt nước, Giải đá ngầm
- Xác tàu, Chìm, Nổ
- Đề chấn nước biển hay bờ bãi
- Mỏn đá ngầm
- Cầu tàu hay đề biển



- Thôn xóm, Khu nhà chủ lúa
- Nhà thờ, Trường, Điện, Tân tích
- Đền miếu, Chùa, Am
- Kim, nương dân, Rừng dưới 18m, Trên 18m
- Hồ ao, Có nước quanh năm, Tầng mùa
- Đập xây, Đập đất
- Quê chảy mạnh, Thác lớn, Thác nhỏ
- Rừng nước
- Bể nước, Giếng, Nguồn

- Rừng già, Rừng thưa
- Bur rậm, Đồi đồi
- Trà, Cà phê
- Cao su, Cỏ
- Chuồng, Tre
- Dầu nước, Bể nước
- Đất có thể tưới, Đồng cỏ
- Rừng núi, Đồng tây
- Vùng đất với hay đã

QUỐC GIỚI VÀ RANH GIỚI HÀNH CHÍNH VÙNG NÀP

LƯỚI ĐỒ HÀNH CHÍNH

VIỆT NAM		BẢNG CHẬP	
T. NGHỆ TỈNH		PHU ĐEN ĐIN	TRỊ LỄ
LÀO T. KHÂM MUỐN		5946 IV	5946 I
Q. KHÂM CỐT		5946 II	5946 III
		5946 IV	5946 V